

GIÁO ÁN NGOẠI KHÓA: KHÁM PHÁ CHÌM HAY NỔI?

CHỦ ĐỀ: "SINK OR FLOAT? — THE MAGIC OF WATER" (3–5 TUỔI)

THỜI LƯỢNG

🕒 45 phút / buổi

ĐỘ TUỔI ÁP DỤNG

🌱 Mầm non 3 – 5 tuổi

MÔ HÌNH LỚP HỌC

👥 01 Lead Teacher + 01 Support Teacher

PHƯƠNG PHÁP

⚡ TPR (Phản xạ toàn thân) + Chu trình STEM 5E

TỪ KHÓA NGÔN NGỮ

📖 Float, Sink, Heavy, Light, Water

YÊU CẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT

🏠 Sân trường / Phòng đa năng / Lớp học

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC (LEARNING OBJECTIVES)

- **Năng lực Ngôn ngữ:** Phản xạ lập tức với 2 động từ *Float* (nổi) và *Sink* (chìm); làm quen 2 tính từ *Heavy* (nặng) và *Light* (nhẹ); phản xạ trả lời: "It floats!" / "It sinks!".
- **Năng lực Khoa học & Tư duy:** Quan sát hiện tượng vật lý của nước; tập đưa ra dự đoán (Prediction) trước khi thử nghiệm (Testing); phân loại vật thể vào 2 nhóm.
- **Vận động & Xúc giác:** Vận động thô mô phỏng cử chỉ nổi/chìm theo nhịp điệu; vận động tinh qua thao tác lắp ráp mô hình thuyền lá.
- **Cảm xúc & Xã hội:** Rèn luyện sự kiên nhẫn chờ đến lượt, phối hợp nhóm 4–5 trẻ, biết chúc mừng bạn bè.

II. HỌC CỤ TRỌN GÓI (EQUIPMENT TOOLKIT)

Học cụ	Số lượng	Mô tả chi tiết & Yêu cầu an toàn
Bể nước trung tâm	01 bể	Bể mica trong suốt 40 x 30 x 25 cm cho cả lớp quan sát tập trung từ xa.
Chậu nước trạm nhóm	04 chậu	Chậu nhựa tròn thành nông, chống lật đổ, đặt trên thảm xốp chống trơn trượt.
Hộp vật thể thí nghiệm	04 bộ	Bóng bàn (nổi), hòn sỏi nhẵn tiết trùng (chìm), lá cây (nổi), quả chanh (nổi), xốp màu (nổi), đồng xu nhựa (chìm).
Bảng dự đoán nam châm	01 bảng	Bảng từ A3 có 2 cột FLOAT và SINK kèm thẻ hình dán nam châm cho trẻ kéo thả.
Vật liệu STEM Craft	30 phần	Lá mít to bản sạch + tăm tre an toàn bo đầu + cánh buồm giấy in tên bé.

III. KỊCH BẢN GIẢNG DẠY 45 PHÚT (CHẾ ĐỘ 5E)

GIAI ĐOẠN 1: ENGAGE (KHỞI ĐỘNG)

🕒 00:00 – 07:00

Hoạt động: Vòng tròn nước (Water Circle Song) & Thiết lập quy tắc lớp học.

- Trẻ đứng vòng tròn nắm tay, nhún nhảy theo nhịp nhạc tiếng sóng vỗ.
- Động tác TPR sóng biển: "Swish! Swish! Swish!" (uốn tay); tiếng mưa rơi: "Pitter-patter!" (gõ nhẹ lên vai).

🗣️ *Teacher Script: "Big circle, everyone! Eyes on teacher, listening ears, and gentle hands with water! Are you ready, little explorers?"*

GIAI ĐOẠN 2: EXPLORE (KHÁM PHÁ TỬ VƯỢNG)

🕒 07:00 – 16:00

Hoạt động: Neo động tác cơ thể (TPR Body Anchoring) cho từ FLOAT và SINK.

- **FLOAT:** Thả quả bóng bàn nổi trên mặt nước. Trẻ đứng dang rộng 2 tay bằng bênh và hô to: "FLOAT! FLOAT!".
- **SINK:** Thả hòn sỏi nặng chìm đánh bụp. Trẻ ngồi thụp xuống ôm đầu gối và hô to: "SINK! SINK!".
- **Action Reflex Game:** Giáo viên hô nhanh "Be a feather! FLOAT!" hoặc "Be an anchor! SINK!" để rèn phản xạ vô thức.

🗣️ *Teacher Script: "Look! The yellow ball stays on top. It does not go down. It FLOATS! Spread your wings and float!"*

GIAI ĐOẠN 3: EXPLAIN (THÍ NGHIỆM & PHÂN LOẠI)

🕒 16:00 – 29:00

Hoạt động: Trạm khoa học nhí (Little Scientist Lab Stations) & Đua phân loại rổ.

- Trẻ chia 4 nhóm nhỏ quanh chậu nước. Trẻ nhắc từng vật thể, đoán chìm hay nổi rồi thả vào nước.
- Các bé đồng thanh hô kết quả: "The lemon floats!" / "The coin sinks!".
- Dùng tay vớt vật thể phân loại vào 2 rổ màu: Rổ Xanh (Float) và Rổ Đỏ (Sink).

🗣️ *Teacher Script: "Take the lemon, feel it! Will it sink or float? 1, 2, 3... drop! Wow, it floats! Put it in the green basket!"*

GIAI ĐOẠN 4: ELABORATE (CHẾ TẠO STEM)

🕒 29:00 – 39:00

Hoạt động: Chế tạo chiếc thuyền lá không chìm (The Unsinkable Leaf Boat).

- Mỗi bé tự tay cắm cánh buồm giấy in tên mình lên thân lá cây.
- Hạ thủy tập thể tại bể nước lớn và dùng hơi chu môi thổi nhẹ: "Whoosh! Whoosh! My boat is sailing!".

🗣️ *Teacher Script: "Can a leaf carry a sail? Yes, it can! Blow gently like the wind: Whoosh! Look at your boat sail!"*

GIAI ĐOẠN 5: EVALUATE (TỔNG KẾT & KHEN THƯỞNG)

🕒 39:00 – 45:00

Hoạt động: Trao huy hiệu Super Explorer & Phát phiếu học tập mang về nhà.

- Tuyên dương cả lớp, dán sticker khen thưởng lên ngực áo từng bé.
- Lau khô tay, gửi tặng bé chiếc thuyền lá và Phiếu khám phá A4 để làm thí nghiệm cùng phụ huynh tại nhà.

IV. QUY TRÌNH PHỐI HỢP CÙNG GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Thời điểm	Giáo viên Tiếng Anh (Lead Teacher)	Giáo viên Chủ nhiệm (Support Teacher)
Trước giờ học (10p)	Bày sẵn bể nước, khay vật liệu, thảm trải chống trơn.	Nhắc trẻ đi vệ sinh, ổn định trang phục trước khi vào lớp.
Trong giờ học (45p)	Dẫn dắt 100% tiếng Anh, làm mẫu động tác TPR, duy trì năng lượng.	Hỗ trợ nhắc nhở trẻ tập trung, can thiệp nếu nước bắn, khích lệ trẻ rụt rè.
Sau giờ học (5p)	Thu dọn giáo cụ gọn gàng, lau khô sàn lớp học.	Hỗ trợ bé cất thuyền lá và phiếu bài tập vào balo mang về.

EDUCENTER.APP